ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2024/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Séc ký tại Hà Nội ngày 21 tháng 4 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2024.

Kể từ khi Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Séc có hiệu lực, các Điều 1 đến 14 và Điều 56, Điều 78 của *Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc,* ký tại Pra-ha ngày 12 tháng 10 năm 1982, sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2024.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Quý Cơ quan bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Lương Ngọc

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC (sau đây gọi là "các Bên"),

MONG MUỐN duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác,

TÔN TRỌNG các quy tắc được thừa nhận chung của luật pháp quốc tế,

KHẲNG ĐỊNH LẠI cam kết tôn trọng công lý, quyền con người, các nguyên tắc pháp quyền và dân chủ,

NHẮC LẠI Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc ký ngày 12/10/1982 tại Pra-ha,

LƯU Ý RẰNG cả Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Séc hiện nay đang áp dụng các quy định của Hiệp định này,

MONG MUỐN tăng cường và thúc đẩy hợp tác với nhau hiệu quả hơn trong các vấn đề hình sự theo quy định pháp luật của mình,

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Phần I

Các quy định chung

Điều 1

Mục đích của Hiệp định

1. Các Bên dành cho nhau sự tương trợ tư pháp (sau đây gọi là "tương trợ") ở mức tối đa theo quy định của Hiệp định này và tôn trọng pháp luật quốc gia trong tố tụng hình sự.

2. Hiệp định này không áp dụng với:

a) dẫn độ;

b) chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tiếp tục thi hành án; và

d) Thi hành bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ khi pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép.

Điều 2

Phạm vi tương trợ

1. Việc tương trợ bao gồm các hình thức tương trợ được nêu tại phần II của Hiệp định này và các hình thức tương trợ khác được pháp luật các Bên cho phép và không trái với Hiệp định này.

2. Việc tương trợ có thể bao gồm:

a) tống đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu;

b) triệu tập người làm chứng hoặc người giám định;

c) thu thập và cung cấp chứng cứ;

d) chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ;

e) áp dụng các biện pháp nhằm tìm kiếm, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;

f) trao đổi thông tin;

g) các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này mà không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

Điều 3

Định nghĩa

Nhằm mục đích của Hiệp định này,

(a) thuật ngữ "chứng cứ" bao gồm tài liệu, hồ sơ và các đồ vật có tính chất chứng cứ khác;

(b) thuật ngữ "tài sản" là các loại tài sản, hữu hình hay vô hình, cố định hay di động, và các tài liệu hay công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó;

(c) thuật ngữ "công cụ, phương tiện phạm tội" là bất kỳ tài sản đã, đang hoặc sẽ được sử dụng để thực hiện tội phạm hình sự;

(d) thuật ngữ "tài sản do phạm tội mà có" là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện tội phạm hình sự;

(e) thuật ngữ "thu giữ" là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, định đoạt hoặc di chuyển tài sản hoặc tạm thời trông coi hay quản lý tài sản trên cơ sở một lệnh do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ban hành;

(f) thuật ngữ "tịch thu" bao gồm việc tước đoạt khi có thể áp dụng, sẽ là tước đoạt vĩnh viễn tài sản theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

Điều 4

Cơ quan trung ương

1. Các yêu cầu tương trợ được gửi và phản hồi thông qua các Cơ quan trung ương.

2. Các cơ quan sau đây được chỉ định là các Cơ quan trung ương nhằm mục đích thực hiện Hiệp định này:

a) Đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao; và

b) Đối với nước Cộng hòa Séc là Viện kiểm sát tối cao của nước Cộng hòa Séc đối với các yêu cầu tương trợ đi phát sinh từ các công tố viên và các

yêu cầu tương trợ đến phát sinh từ giai đoạn trước khi xét xử và Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Séc đối với các yêu cầu tương trợ khác.

3. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau vì mục đích của Hiệp định này. Trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ thông qua các kênh ngoại giao.

4. Mỗi Bên có thể thay đổi Cơ quan trung ương của mình. Trong trường hợp thay đổi thì sẽ thông báo cho Bên kia về sự thay đổi và thông tin liên hệ của Cơ quan trung ương mới thông qua kênh ngoại giao.

Điều 5

Hình thức và Nội dung của Yêu cầu tương trợ

1. Yêu cầu tương trợ được lập bằng văn bản và phải có chữ ký của cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu và được chứng thực bằng con dấu chính thức của cơ quan đó.

2. Yêu cầu tương trợ phải bao gồm:

(a) tên và địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành tố tụng liên quan tới yêu cầu tương trợ, và cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tương trợ;

(b) mô tả các tình tiết của tất cả các tội phạm hình sự liên quan tới yêu cầu và các điều luật có thể áp dụng của pháp luật hình sự có liên quan của Bên yêu cầu, bao gồm hình phạt và các quy định về thời hạn;

(c) giai đoạn tố tụng hình sự liên quan đến yêu cầu;

(d) mô tả nội dung yêu cầu và chứng cứ được yêu cầu thu thập, mục đích của yêu cầu.

3. Trong trường hợp cần thiết và có thể, yêu cầu tương trợ còn bao gồm:

(a) đặc điểm nhận dạng của đối tượng của thủ tục tố tụng hình sự liên quan đến yêu cầu, thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm hình sự và thiệt hại đã xảy ra hoặc cố gắng để xảy ra;

(b) đặc điểm nhận dạng và nơi ở của bất kỳ người nào được yêu cầu cung cấp chứng cứ hoặc được tống đạt hay bất kỳ đồ vật nào được thu thập hoặc mô tả địa điểm được yêu cầu khám xét và mối liên hệ với vụ án hình sự được yêu cầu tương trợ;

(c) mô tả bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự cụ thể nào cần được tuân thủ theo khi thực hiện yêu cầu tương trợ;

(d) bất kỳ yêu cầu nào về bảo mật;

(e) trong trường hợp khẩn cấp, xác định rõ thời hạn cần thực hiện yêu cầu và lí do khẩn cấp;

(f) phương thức thực hiện tống đạt trong các trường hợp tống đạt tài liệu;

(g) danh sách câu hỏi trong trường hợp lấy lời khai của một người;

(h) đặc điểm của người mà đề nghị Bên được yêu cầu cho phép có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ, vai trò của họ trong quá trình tố tụng hình sự liên quan đến yêu cầu và mục đích của việc có mặt;

(i) thông tin liên quan đến chi phí và tiền đền bù mà người được triệu tập để có mặt tại Bên yêu cầu sẽ được hưởng;

(j) thông tin về quyền không phải cung cấp lời khai theo quy định của pháp luật Bên yêu cầu đối với người mà được đề nghị Bên được yêu cầu lấy lời khai và thông tin về bất kỳ quyền miễn trừ, đặc quyền hoặc không đủ năng lực theo pháp luật của Bên yêu cầu có thể liên quan đến việc thực hiện yêu cầu tương trợ;

(k) bản mô tả chính xác chứng cứ, tài sản, phương tiện phạm tội hoặc tài sản do phạm tội mà có được yêu cầu thu giữ hoặc tịch thu, bao gồm mối liên hệ của chúng với tội phạm hình sự và quá trình tố tụng hình sự vì những mục đích của yêu cầu, và các căn cứ để tin rằng các chứng cứ, tài sản, phương tiện phạm tội hoặc tài sản do phạm tội mà có này đang ở tại lãnh thổ của Bên được yêu cầu, và lệnh hoặc bản án của một tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác liên quan đến yêu cầu thu giữ hoặc tịch thu; và

(l) bất kỳ thông tin nào khác có thể tạo thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng nội dung của yêu cầu tương trợ chưa đủ để thực hiện thì có thể yêu cầu thông tin bổ sung và có thể ấn định thời hạn hợp lý để Bên yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung.

5. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo, bao gồm cả tài liệu cần tống đạt phải được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu và kèm theo một bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc sang tiếng Anh.

6. Trong trường hợp khẩn cấp và được Bên được yêu cầu chấp thuận, yêu cầu tương trợ có thể được chuyển giao giữa các Cơ quan trung ương thông qua fax hoặc thư điện tử. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải nhận

được văn bản gốc của yêu cầu tương trợ trong thời hạn 30 ngày hoặc trong thời hạn do các Cơ quan trung ương thỏa thuận.

Điều 6

Chứng nhận và Chứng thực

1. Yêu cầu tương trợ, các tài liệu kèm theo và giấy tờ hoặc tài liệu là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức hợp pháp hóa, chứng nhận hoặc chứng thực nào.

2. Trong trường hợp cụ thể khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các giấy tờ hoặc tài liệu phải được chứng thực, thì giấy tờ hoặc tài liệu đó phải được chứng thực đầy đủ bởi chữ ký và con dấu chính thức của cơ quan có thẩm quyền của Bên tương ứng.

Điều 7

Từ chối hoặc hoãn tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ từ chối tương trợ, toàn bộ hoặc một phần, nếu cho rằng :

(a) việc thực hiện yêu cầu tương trợ trái với các nghĩa vụ của Bên được yêu cầu theo các thỏa thuận quốc tế mà Bên đó là thành viên hoặc trái với quy định pháp luật của mình;

(b) việc thực hiện yêu cầu tương trợ có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh hoặc trật tự công cộng của Bên được yêu cầu,

(c) yêu cầu tương trợ liên quan đến việc truy tố một người về một tội phạm hình sự mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đặc xá, đại xá tại Bên được yêu cầu hoặc người đó không còn bị truy tố nữa do hết thời hiệu nếu tội phạm được thực hiện trong lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

(d) tội phạm liên quan đến yêu cầu tương trợ không cấu thành một tội phạm theo pháp luật của Bên được yêu cầu;

(e) yêu cầu tương trợ liên quan đến một tội phạm có tính chất chính trị;

(f) yêu cầu tương trợ liên quan đến một tội phạm được thực hiện bởi thành viên của lực lượng quân đội trong khi thi hành nhiệm vụ mà không cấu

thành một tội phạm hình sự theo pháp luật hình sự thông thường có thể áp dụng chung;

(g) yêu cầu tương trợ liên quan đến một tội phạm hình sự có thể bị áp dụng hình phạt tử hình tại Bên yêu cầu trừ khi Bên yêu cầu cung cấp cam kết mà Bên được yêu cầu thấy đủ rằng hình phạt tử hình sẽ không bị áp dụng hoặc nếu áp dụng sẽ không thi hành;

(h) có các căn cứ vững chắc để tin rằng yêu cầu tương trợ được lập nhằm truy tố, xét xử hoặc phân biệt đối xử với một người vì lí do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, quan điểm chính trị hoặc bất kỳ lí do tương tự nào khác, hoặc vị trí của người đó có thể bị ảnh hưởng bởi một trong số các lý do nêu trên;

(i) có các căn cứ vững chắc để tin rằng yêu cầu tương trợ sẽ dẫn đến việc một người bị tra tấn hoặc bị đối xử hay trừng phạt tàn bạo hoặc vô nhân đạo khác;

2. Tương trợ sẽ không bị từ chối chỉ vì lí do bí mật ngân hàng.

3. Bên được yêu cầu có thể hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ nếu việc thực hiện cản trở quá trình tố tụng hình sự đang tiến hành tại Bên được yêu cầu hoặc tạm thời không thực hiện được trong từng trường hợp cụ thể.

4. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ, Bên được yêu cầu phải trao đổi với Bên yêu cầu để cân nhắc khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với các điều kiện này thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

5. Trường hợp Bên được yêu cầu từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ, thì phải thông báo bằng văn bản về lí do từ chối hoặc hoãn thực hiện cho Bên yêu cầu.

Điều 8

Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện yêu cầu tương trợ phù hợp với pháp luật nước mình và theo các hướng dẫn được nêu trong yêu cầu tương trợ có thể thực hiện được trong phạm vi cho phép của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu có thể cho phép sự có mặt của những người được nêu trong yêu cầu tương trợ trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ nếu

không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu. Vì mục đích này, Bên được yêu cầu thông báo trước cho Bên yêu cầu về ngày, thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ; nếu cần thiết các Cơ quan trung ương sẽ trao đổi với nhau để ấn định ngày phù hợp cho cả hai Bên.

3. Bên được yêu cầu thông báo kịp thời cho Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ hoặc về bất kỳ tình huống phát sinh nào có thể trì hoãn đáng kể việc thực hiện yêu cầu.

4. Tài liệu được chuyển đến cho Bên yêu cầu là kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ được lập bằng ngôn ngữ của Bên được yêu cầu.

Điều 9

Bảo mật

1. Bên được yêu cầu có thể yêu cầu bảo mật thông tin hoặc chứng cứ được cung cấp hoặc các nguồn thông tin hoặc chứng cứ đó. Việc tiết lộ hoặc sử dụng sẽ tuân theo pháp luật của Bên yêu cầu và phải có sự đồng ý bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

2. Bên yêu cầu có thể yêu cầu bảo mật nội dung của yêu cầu và các tài liệu kèm theo. Nếu một yêu cầu chỉ có thể được thực hiện khi tiết lộ các thông tin này, Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu. Bên yêu cầu sẽ quyết định việc yêu cầu được thực hiện toàn bộ hoặc từng phần.

3. Bên yêu cầu sẽ đảm bảo rằng thông tin và chứng cứ thu thập được phải được bảo vệ khỏi việc mất mát, bị tiếp cận, sử dụng, sửa đổi và tiết lộ trái phép hoặc bị lạm dụng.

Điều 10

Giới hạn sử dụng

1. Trường hợp thông tin hoặc chứng cứ được Bên được yêu cầu cung cấp, Bên yêu cầu không được sử dụng thông tin hoặc chứng cứ đó ngoài mục đích đã được nêu trong yêu cầu tương trợ trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

2. Bên yêu cầu không được cung cấp thông tin hoặc chứng cứ mà Bên được yêu cầu cung cấp theo Hiệp định này cho Nước thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

Điều 11

Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Các dữ liệu cá nhân có thể được thu thập và chuyển giao chỉ khi cần thiết và phù hợp với mục đích được nêu trong yêu cầu tương trợ mà không ảnh hưởng đến khoản 2 Điều này.

2. Dữ liệu cá nhân được chuyển giao cho một Bên như là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ được lập theo Hiệp định này có thể được sử dụng bởi Bên tiếp nhận vào những mục đích sau:

a) vì mục đích tố tụng hình sự liên quan đến yêu cầu được lập theo Hiệp định này;

b) vì mục đích tố tụng tư pháp hay thủ tục xử phạt hành chính trực tiếp liên quan đến hoạt động tố tụng được nêu tại điểm a) của khoản này;

c) vì mục đích ngăn chặn một mối đe dọa nghiêm trọng và trực tiếp đến an ninh công cộng.

3. Các dữ liệu như vậy cũng có thể được sử dụng vì bất kỳ mục đích nào khác nếu có sự đồng ý trước của Bên chuyển giao dữ liệu.

4. Bất kỳ Bên nào cũng có thể từ chối chuyển giao dữ liệu cá nhân trong trường hợp dữ liệu cá nhân đó được bảo vệ theo quy định của pháp luật trong nước của Bên đó và việc bảo vệ dữ liệu ở cùng cấp độ không được đáp ứng bởi Bên kia.

5. Bên chuyển giao dữ liệu cá nhân có thể yêu cầu Bên tiếp nhận cung cấp thông tin về việc sử dụng dữ liệu cá nhân đó.

6. Dữ liệu cá nhân được chuyển giao theo Hiệp định này phải được xử lý và xóa theo quy định pháp luật của Bên tiếp nhận. Không cần tuân thủ giới hạn này, dữ liệu được chuyển giao phải được xóa ngay sau khi không còn cần thiết cho mục đích mà vì mục đích đó dữ liệu được chuyển giao.

7. Quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến khả năng Bên chuyển giao dữ liệu cá nhân áp dụng thêm các điều kiện trong những trường hợp cụ thể khi yêu cầu tương trợ không thể thực hiện được nếu không có các điều kiện này. Nếu điều kiện được áp dụng theo quy định tại khoản này, Bên tiếp nhận dữ liệu cá nhân phải xử lý dữ liệu nhận được trên cơ sở tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 12

Chi phí

1. Bên được yêu cầu sẽ chịu mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện yêu cầu tương trợ theo pháp luật của mình trừ khi có thỏa thuận khác giữa các Cơ quan trung ương.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các Cơ quan trung ương, Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí sau:

(a) Chi phí cho người làm chứng chuyên gia;

(b) Các chi phí liên quan đến phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ qua cầu truyền hình hoặc qua các phương tiện điện tử khác từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu và các chi phí liên quan đến việc thiết lập và thực hiện cầu truyền hình;

(c) Chi phí liên quan đến việc đi lại của bất kỳ người nào đến và rời khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu và bất kỳ khoản phí, trợ cấp, chi phí mà người đó có thể được trả trong khi ở Bên yêu cầu theo yêu cầu tại Điều 15 và 16 Hiệp định này, và chi phí của nhân viên hộ tống liên quan đến việc chuyển giao;

(d) chi phí thu giữ, lưu trữ và vận chuyển chứng cứ, tài sản, phương tiện hoặc tài sản do phạm tội mà có.

3. Trong quá trình thực hiện yêu cầu, trường hợp Bên được yêu cầu phát hiện ra rằng việc thực hiện có thể phát sinh các chi phí cao bất thường, Bên được yêu cầu sẽ trao đổi ngay với Bên yêu cầu.

Phần II

Các hình thức tương trợ

Điều 13

Khám xét

Khi được yêu cầu, trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu sẽ làm mọi cách tìm trên lãnh thổ của mình các đối tượng, chứng cứ, tài sản, công cụ hoặc tài sản do phạm tội mà có được nêu trong yêu cầu tương trợ và có thể nằm trong lãnh thổ của mình, và thông báo kết quả cho

Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, các quyền của bên thứ ba ngay tình được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 14

Tống đạt giấy tờ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu thực hiện yêu cầu về tống đạt giấy tờ, bao gồm giấy triệu tập hoặc các giấy tờ có liên quan khác yêu cầu sự có mặt của một người đang ở trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.

2. Trường hợp yêu cầu tống đạt một tài liệu yêu cầu sự có mặt của một người trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu thì yêu cầu phải được nhận bởi Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu không ít hơn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tống đạt giấy tờ. Nếu việc tống đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do. Khi có yêu cầu của Bên yêu cầu, nếu có thể, Bên được yêu cầu phải kịp thời thông báo cho Bên yêu cầu về ý kiến của người được triệu tập có mặt trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu theo khoản 1.

Điều 15

Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù đến lãnh thổ của Bên yêu cầu

1. Người đang chấp hành hình phạt tù trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, theo đề nghị của Bên yêu cầu, có thể được chuyển giao tạm thời từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu để hỗ trợ quá trình tố tụng hình sự hoặc cung cấp chứng cứ nếu:

a) người đó đồng ý với việc chuyển giao để hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ; và

b) Bên yêu cầu cam kết bằng văn bản về việc tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc giam giữ và bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

2. Vì mục đích của Điều này:

(a) Bên yêu cầu sẽ có thẩm quyền và nghĩa vụ giam giữ người được chuyển giao trừ khi có thỏa thuận khác giữa các Cơ quan trung ương của cả hai Bên;

(b) người được chuyển giao theo Điều này sẽ được trả lại cho Bên được yêu cầu theo cách thức mà Cơ quan trung ương của cả hai Bên đã thỏa thuận ngay khi hoàn thành mục đích chuyển giao hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không còn cần thiết;

(c) Bên yêu cầu sẽ không đề nghị Bên được yêu cầu tiến hành thủ tục dẫn độ hoặc bất kỳ thủ tục tố tụng nào khác để trả lại người được chuyển giao;

(d) thời gian người được chuyển giao bị giam giữ tại Bên yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu.

Điều 16

Yêu cầu người khác hỗ trợ quá trình tố tụng hình sự hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ mời bất kỳ người nào tự nguyện hỗ trợ điều tra hoặc có mặt trong quá trình tố tụng tại Bên yêu cầu và sẽ thông báo cho Bên yêu cầu ý kiến của người đó. Người đó cũng sẽ được thông báo về bảo đảm an toàn, hỗ trợ và tiền trợ cấp được hưởng.

Điều 17

Bảo đảm an toàn

1. Một người có mặt trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu theo Điều 14, 15 hoặc 16 Hiệp định này sẽ không:

a) bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xét xử tại Bên yêu cầu đối với hành vi được cho là xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào ngoài thủ tục đã nêu trong yêu cầu.

2. Người quyết định không hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ theo Điều 14, 15 hoặc 16 Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

3. Sự bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng khi

a) người đó vẫn ở lại lãnh thổ của Bên yêu cầu sau thời hạn mười lăm (15) ngày liên tục, kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa hoặc từ ngày mà người đó không có mặt trước cơ quan có thẩm quyền theo lịch trình trừ khi lý do của việc không có mặt nằm ngoài sự kiểm soát của người đó; hoặc

b) người đó đã rời khỏi Bên yêu cầu nhưng tự quay trở lại.

4. Thời gian 15 ngày theo khoản 3(a) không bao gồm thời gian mà người đó không thể rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu do những lý do nằm ngoài sự kiểm soát của người đó.

5. Khi Bên yêu cầu biết rằng đảm bảo an toàn theo quy định tại Khoản 1 không được áp dụng theo Khoản 3, Bên yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên được yêu cầu, nếu thông tin đó do Bên được yêu cầu đưa ra.

6. Đảm bảo an toàn theo Khoản 1 sẽ được cung cấp cho người tạm thời được chuyển giao theo Điều 15 ngoại trừ việc người đó phải bị giam giữ về hành vi phạm tội mà người đó đang chấp hành bản án tại Bên được yêu cầu.

7. Người đang hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ như người làm chứng hay người giám định theo Điều 14, 15 hoặc 16 sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 18

Lấy lời khai và thu thập chứng cứ

1. Theo yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ lấy lời khai theo pháp luật nước mình. Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện yêu cầu. Nếu thông tin trong yêu cầu không đủ để áp dụng các biện pháp đó theo pháp luật của Bên được yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về các quy định pháp luật về việc áp dụng các biện pháp đó và đề nghị Bên yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung theo Điều 5(4).

2. Người được lấy lời khai có thể tuyên bố về quyền không phải làm chứng theo pháp luật quốc gia của một trong hai Bên. Nếu bất kỳ người nào ở Bên được yêu cầu tuyên bố rằng có quyền hoặc nghĩa vụ từ chối cung cấp lời khai theo pháp luật của Bên yêu cầu, Cơ quan trung ương của các Bên có thể

tham vấn để xác nhận về quyền hoặc nghĩa vụ đó theo pháp luật của Bên yêu cầu.

3. Theo pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ được cung cấp bởi người đưa ra lời khai và chuyển giao cho Bên yêu cầu.

Điều 19

Thu thập chứng cứ qua cầu truyền hình

1. Nếu một người ở trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu và phải cung cấp lời khai trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu, Bên yêu cầu có thể tiến hành lấy lời khai người đó qua cầu truyền hình nếu việc đó là cần thiết cho thủ tục tố tụng hình sự tại Bên yêu cầu. Các Cơ quan trung ương sẽ tham vấn để tạo điều kiện giải quyết các vấn đề pháp lý, kỹ thuật hoặc hậu cần có thể phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ trong từng trường hợp cụ thể.

2. Bên được yêu cầu cũng có thể cho phép sử dụng cầu truyền hình cho các mục đích khác, bao gồm thực hiện việc công nhận người hoặc chứng cứ và các cuộc đối chất.

Điều 20

Cung cấp tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin

1. Theo yêu cầu và theo pháp luật của mình, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin có sẵn công khai.

2. Theo pháp luật của mình, Bên được yêu cầu có thể cung cấp các bản sao của tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin chính thức với cùng mức độ và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự nước mình.

Điều 21

Xác định thông tin tài chính và ngân hàng

1. Theo pháp luật của mình, các Bên sẽ trao đổi thông tin về tài khoản ngân hàng, chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền sử dụng các tài khoản đó nằm trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu và hoạt động ngân hàng có liên quan

đến thủ tục tố tụng hình sự tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành tất cả các bước cần thiết, trong phạm vi được pháp luật nước mình cho phép, để đảm bảo rằng các ngân hàng không tiết lộ cho người có liên quan hoặc cho người thứ ba rằng thông tin đã được trao đổi cho Bên yêu cầu.

2. Yêu cầu tương trợ theo Khoản 1 sẽ bao gồm một bản giải thích chi tiết về mối quan hệ giữa tài khoản ngân hàng giả định, các chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền sử dụng các tài khoản đó với hành vi phạm tội liên quan đến yêu cầu.

3. Tương trợ theo Khoản 1 cũng có thể mở rộng đối với các tổ chức tài chính khác.

Điều 22

Thu giữ và chuyển giao chứng cứ

1. Nếu được yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ thu giữ bất kỳ chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu tương trợ theo pháp luật của mình.

2. Khi có yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ chuyển giao bất kỳ chứng cứ nào bị thu giữ mà có thể sử dụng làm chứng cứ trong thủ tục tố tụng hình sự tại Bên yêu cầu. Bên yêu cầu sẽ tuân thủ bất kỳ điều kiện nào do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến bất kỳ chứng cứ bị thu giữ mà được chuyển giao cho Bên yêu cầu.

Điều 23

Trả lại chứng cứ

Theo yêu cầu của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu sẽ trả lại các chứng cứ được cung cấp theo Hiệp định này khi những chứng cứ đó không còn cần thiết cho thủ tục tố tụng hình sự được nêu trong yêu cầu.

Điều 24

Công cụ, phương tiện và tài sản do phạm tội mà có

1. Trường hợp tìm thấy công cụ, phương tiện và/hoặc tài sản bị nghi ngờ do phạm tội mà có, theo yêu cầu của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ thực hiện các biện pháp được pháp luật nước mình cho phép để thu giữ và/hoặc tịch

thu công cụ, phương tiện và/hoặc tài sản do phạm tội mà có này. Bên được yêu cầu có thể chuyển giao toàn bộ hoặc một phần công cụ, phương tiện và/hoặc tài sản do phạm tội mà có bị tịch thu cho Bên yêu cầu theo các điều kiện do các Bên thỏa thuận.

2. Việc áp dụng Điều này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền của người thứ ba ngay tình.

Điều 25

Trao đổi thông tin tự nguyện

1. Không ảnh hưởng đến thủ tục tố tụng hình sự của mình, một Bên có thể, không cần yêu cầu trước, chuyển tiếp cho Bên kia thông tin được thu thập trong quá trình tố tụng hình sự của mình nếu cho rằng thông tin đó có thể hỗ trợ Bên kia khởi tố hoặc tiến hành tố tụng hình sự, hoặc có thể dẫn đến một yêu cầu của Bên đó theo Hiệp định này.

2. Theo pháp luật của mình, Bên cung cấp có thể đưa ra các điều kiện đối với Bên nhận về việc sử dụng thông tin đó. Trong trường hợp này, Bên cung cấp sẽ thông báo trước cho Bên nhận về bản chất của thông tin được cung cấp và các điều kiện cần tuân thủ. Nếu Bên nhận đồng ý với việc chuyển giao thông tin có điều kiện thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 26

Trao đổi thông tin pháp luật và thực tiễn áp dụng

Khi có yêu cầu, các Bên sẽ trao đổi thông tin về pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng tại thời điểm yêu cầu tương trợ hoặc tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến yêu cầu.

Phần III

Điều khoản cuối cùng

Điều 27

Tham vấn

Các Cơ quan trung ương sẽ tham vấn thường xuyên nhằm mục đích giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ và tạo điều

kiện cho việc tương trợ nhanh chóng và có hiệu quả theo Hiệp định này và đồng ý với những biện pháp thực tiễn có thể cần thiết cho mục đích này.

Điều 28

Giải quyết bất đồng

Bất kì bất đồng nào phát sinh trong giải thích hay áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua kênh ngoại giao nếu các Cơ quan trung ương không thể thỏa thuận bằng việc tham vấn.

Điều 29

Mối quan hệ với các văn kiện quốc tế khác

1. Các quy định của Hiệp định này sẽ không làm phương hại đến bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của một Bên theo các điều ước khác và, đối với Cộng hòa Séc, bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào phát sinh từ tư cách thành viên của Liên minh Châu Âu.

2. Hiệp định này sẽ không ngăn các Bên yêu cầu và thực hiện tương trợ cho nhau theo quy định của các văn kiện pháp lý quốc tế hiện hành khác.

Điều 30

Hiệu lực và chấm dứt Hiệp định

1. Các Bên sẽ thông báo cho nhau bằng công hàm ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục trong nước để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày nhận được công hàm ngoại giao cuối cùng.

2. Hiệp định này được áp dụng đối với bất kỳ yêu cầu tương trợ nào được gửi sau ngày Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu tương trợ liên quan đến hành vi phạm tội được thực hiện trước ngày đó.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi bởi các nghị định thư được hai Bên thỏa thuận và sẽ có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Khoản 1 và đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

4. Hiệp định này sẽ có hiệu lực cho đến khi một Bên chấm dứt bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo.

Các yêu cầu tương trợ được đưa ra trước khi thông báo và đang thực hiện tại thời điểm chấm dứt Hiệp định vẫn được thực hiện theo Hiệp định này.

5. Kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực, các Điều 1 đến 14 của Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc ký ngày 12/10/1982 tại Pra-ha sẽ không được áp dụng đối với hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa các Bên và các Điều 58 và 78 của Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày.21.tháng 4 năm 2023 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Séc và tiếng Anh, mỗi bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **NƯỚC CỘNG HÒA SÉC**
Ông Lê Minh Trí **Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao**	**Ông Hynek Kmoníček** **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Séc tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

TREATY ON MUTUAL LEGAL ASSISTANCE IN CRIMINAL MATTERS BETWEEN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE CZECH REPUBLIC

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE CZECH REPUBLIC (hereinafter referred to as "the Parties"),

DESIRING to maintain and strengthen the mutual relations,

RESPECTING the generally recognized rules of international law,

REAFFIRMING their commitment to respect justice, human rights, principles of rule of law and democracy,

RECALLING the Agreement between the Socialist Republic of Viet Nam and the Czechoslovak Socialist Republic on Mutual Legal Assistance in Civil and Criminal Matters signed on October 12th 1982 in Prague,

NOTING that both the Socialist Republic of Viet Nam and the Czech Republic currently apply the terms of that Agreement,

DESIRING to improve and promote more effective cooperation between them in criminal matters in accordance with their national laws,

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

PART I
GENERAL PROVISIONS

ARTICLE 1
OBJECT OF THE TREATY

1. The Parties shall provide each other with the widest mutual legal assistance (hereinafter referred to as "assistance") in accordance with the provisions of this Treaty and respective national laws for criminal proceedings.

2. This Treaty shall not apply to:

(a) extradition;

(b) transfer of criminal proceedings;

(c) transfer of sentenced persons for the purpose of serving their sentences of imprisonment; and

(d) the enforcement in the Requested Party of criminal judgments imposed in the Requesting Party, except to the extent permitted by the law of the Requested Party and this Treaty.

ARTICLE 2
SCOPE OF ASSISTANCE

1. The assistance shall include the types of assistance described in Part II of this Treaty and any other assistance permitted by the laws of both Parties and not contrary to this Treaty.

2. Such assistance may consist of:

(a) serving documents;

(b) summoning a witness or an expert;

(c) taking and providing evidence;

(d) temporary transfer of sentenced persons in the Requested Party to appear in the Requesting Party to assist in investigations or give evidence;

(e) taking measures to search, seize or confiscate instrumentalities and proceeds of crime;

(f) exchanging information;

(g) any other form of assistance consistent with the objects of this Treaty which is not inconsistent with the law of the Requested Party.

ARTICLE 3
DEFINITIONS

For the purposes of this Treaty,

(a) the term "items of evidence" includes documents, records and other articles of evidence;

(b) the term "property" shall mean assets of every kind, whether corporeal or incorporeal, movable or immovable, tangible or intangible, and legal documents or instruments evidencing title to or interest in such assets;

(c) the term "instrumentalities of crime" shall mean any property that has been used, being used or intended to be used in the commission of a criminal offence;

(d) the term "proceeds of crime" shall mean any assets derived from or obtained, directly or indirectly, through the commission of a criminal offence;

(e) the term "seizure" shall mean temporarily prohibiting the transfer, conversion, disposition or movement of property or temporarily assuming custody or control of property on the basis of an order issued by a court or other competent authority;

(f) the term "confiscation", which includes forfeiture where applicable, shall mean the permanent deprivation of property by order of a court or other competent authority.

ARTICLE 4
CENTRAL AUTHORITIES

1. Requests for assistance shall be sent and replied to through the Central Authorities.

2. The following authorities are designated as the Central Authorities for the purpose of this Treaty:

(a) for the Socialist Republic of Viet Nam, the Supreme People's Procuracy; and

(b) for the Czech Republic, the Supreme Public Prosecutor's Office of the Czech Republic for outgoing requests for assistance originating from prosecutors and for incoming requests for assistance originating from pre-trial proceedings and the Ministry of Justice of the Czech Republic for other requests for assistance.

3. The Central Authorities shall, for the purposes of this Treaty, communicate with each other directly. When necessary, the Parties may communicate through diplomatic channels.

4. Either Party may change its Central Authority. In such a case, it shall inform the other Party through diplomatic channel of the change and of the contact details of the new Central Authority.

ARTICLE 5
FORM AND CONTENT OF THE REQUESTS FOR ASSISTANCE

1. A request for assistance shall be made in writing and must bear the signature of the competent authority making the request and certified with its official seal.

2. The request for assistance shall include:

(a) the name and address of the competent authority conducting the criminal proceedings, for which the assistance is requested, and competent authority requesting the assistance;

(b) a description of the facts of every criminal offence to which the request for assistance relates and the text of the applicable provisions of the relevant criminal law of the Requesting Party, including penalties and the statutes of limitations;

(c) the stage of criminal proceedings for which the assistance is requested;

(d) a description of the assistance requested and items of evidence sought and their purpose.

3. To the extent necessary and possible, the request for assistance shall also include:

(a) identity of the persons who are subject of the criminal proceedings for which the assistance is requested, the time and place of commission of the criminal offence and the damage caused or attempted to be caused;

(b) identity and location of any person from whom evidence is sought or to be served or of any item sought or description of a place to be searched and their relationship to the criminal proceedings for which the assistance is requested;

(c) description of any specific procedure to be followed when executing the request for assistance;

(d) any request for confidentiality;

(e) in cases of urgency, an indication of the time limit in which the request for assistance should be executed and reasons for the urgency;

(f) in cases of service of documents, the manner in which it is to be made;

(g) list of questions to be asked if testimony or a statement of a person is sought;

(h) indication of persons whose presence at the execution of the request for assistance the Requested Party is asked to permit, their role in the criminal proceedings for which the assistance is requested and purpose of their presence at the execution of the request for assistance;

(i) information as to the allowances and reimbursements to which a person summoned to appear in the Requesting Party will be entitled;

(j) information on the right not to testify which could accrue under the law of the Requesting Party to the person whose testimony or statement the Requested Party is requested to obtain and on any immunities, exemptions, privileges or incapacities under the law of the Requesting Party that could be relevant for the execution of the request for assistance;

(k) a precise description of items of evidence, property, instrumentalities or proceeds of crime that are to be seized or confiscated, including their relationship to the criminal offence and criminal proceedings for the purposes of which the assistance is requested, and grounds to believe that such items of evidence, property, instrumentalities or proceeds of crime are in the territory of the Requested Party, and order or judgment of a court or other competent authority to which the request for seizure or confiscation relates; and

(l) any other information that may facilitate the execution of the request for assistance.

4. If the Requested Party considers that the content of the request for assistance is not sufficient for its execution, it may require supplementary information and it may set a reasonable deadline for the Requesting Party to provide it.

5. The request for assistance and any documents supporting it, including any document to be served, shall be in the language of the Requesting Party and accompanied by a translation into the language of the Requested Party or into English.

6. In urgent cases and permitted by the Requested Party, the request for assistance may be transmitted between the Central Authorities by fax or e-mail. The written original of the request for assistance shall be received by the Central Authority of the Requested Party within thirty (30) days or in a time limit agreed by the Central Authorities.

ARTICLE 6
CERTIFICATION AND AUTHENTIFICATION

1. Requests for assistance, documents in support thereof and documents or materials furnished in response to the request shall not require any legalization, certification or authentification.

2. Where, in particular case, the Requested Party or the Requesting Party requests that documents or materials are authentificated, the documents or materials shall be duly authentificated by signature and official seal of the competent authority of the respective Party.

ARTICLE 7
REFUSAL OR POSTPONEMENT OF ASSISTANCE

1. The Requested Party shall refuse assistance, entirely or in part, if it considers that:

(a) execution of the request for assistance is contrary to obligations of the Requested Party arising from international agreements of which is a party to or contrary to its national law;

(b) execution of the request for assistance is likely to prejudice the sovereignty, security or public order of the Requested Party;

(c) the request for assistance relates to the prosecution of a person for a criminal offence in respect of which the person has already been convicted, acquitted or pardoned in the Requested Party or for which the person could no longer be prosecuted by reason of lapse of time if the criminal offence had been committed within the jurisdiction of the Requested Party;

(d) the criminal offence in relation to which the assistance is requested would not constitute a criminal offence under the law of the Requested Party;

(e) the request for assistance relates to an offence of political character;

(f) the request for assistance relates to criminal offence committed by members of military forces within their service that does not constitute a criminal offence under ordinary criminal law applicable generally;

(g) the request for assistance relates to a criminal offence punishable in the Requesting Party by death unless the Requesting Party provides guarantees that the Requested Party considers sufficient that death penalty shall not be imposed or, if imposed, shall not be carried out;

(h) there are substantial grounds to believe that the request for assistance has been made with a view to prosecute, punish or discriminate a person on account of race, religion, gender, nationality, ethnic origin, political opinions or any other similar reason, or that such person's position may be prejudiced for any of those reasons;

(i) there are substantial grounds for believing that the request for assistance will result in a person being subjected to torture or other cruel or inhuman or degrading treatment or punishment.

2. Assistance shall not be refused solely on account of bank secrecy.

3. The Requested Party may postpone the execution of the request of assistance if the execution would interfere with ongoing criminal proceedings in the Requested Party or if its execution is temporarily not possible with regard to specific circumstances of the case.

4. Before refusing assistance or postponing the execution of the request for assistance, the Requested Party shall consult with the Requesting Party to consider whether assistance could be provided subject to such conditions as it deems necessary. If the Requesting Party accepts assistance subject to these conditions, it shall comply with them.

5. When the Requested Party refuses assistance or postpones the execution of the request for assistance, it shall inform the Requesting Party in writing of the reasons for such refusal or postponement.

ARTICLE 8
EXECUTION OF THE REQUEST FOR ASSISTANCE

1. The Requested Party shall execute the request for assistance in accordance with its national law and, to the extent not prohibited by the law of the Requested Party, in accordance with directions stated in the request for assistance so far as practicable.

2. The Requested Party may permit the presence of persons specified in the request for assistance at the execution of the request for assistance, provided that it is not contrary to the law of the Requested Party. For this purpose, the Requested Party shall inform the Requesting Party in advance about the date, time and place of the execution of the request for assistance; if necessary the Central Authorities shall consult with one another to set a date convenient to both Parties.

3. The Requested Party shall promptly inform the Requesting Party about the results of the execution of the request for assistance or about any circumstances which are likely to cause a significant delay in responding to the request.

4. Documents transmitted to the Requesting Party as the result of the execution of the request for assistance shall be in the language of the Requested Party.

ARTICLE 9
CONFIDENTIALITY

1. The Requested Party may request to keep confidential the information or evidence provided or sources of such information or evidence. The disclosure or use must be consistent with the law of the Requesting Party and be subject to written consent of the Requested Party.

2. The Requesting Party may request to keep confidential the content of the request for assistance and its supporting documents. If the request cannot be executed without breaching confidentiality, the Requested Party shall so inform the Requesting Party before the request is executed. The Requesting Party shall then determine whether the request should be nevertheless wholly or partly executed.

3. The Requesting Party shall ensure that information or evidence obtained must be protected against loss, unlawful access, use, modification, disclosure or misuse.

ARTICLE 10
LIMITATIONS ON USE

1. Where information or evidence is provided by the Requested Party, the Requesting Party shall not use it for purposes other than those stated in the request for assistance except with the prior written consent of the Requested Party.

2. No information or items of evidence provided by the Requested Party to the Requesting Party under this Treaty shall be provided by the Requesting Party to a third State without the prior written consent of the Requested Party.

ARTICLE 11
PROTECTION OF PERSONAL DATA

1. Without prejudice to paragraph 2 of this Article, personal data may be gathered and transmitted only if it is necessary and proportionate for the purposes indicated in the request for legal assistance.

2. Personal data transferred to the other Party as a result of the execution of a request made under this Treaty may be used by the Party to which such data have been transferred for the following purposes exclusively:

(a) for the purpose of the criminal proceedings in which the legal assistance was requested under this Treaty;

(b) for other judicial and administrative proceedings directly related to the proceedings mentioned under subparagraph (a) of this paragraph;

(c) for preventing an immediate and serious threat to public security.

3. Such data may also be used for any other purpose, if prior consent to that effect has been given by the Party which transferred the personal data.

4. Either Party may refuse to transfer personal data where such data are protected under its national law, and the same level of data protection cannot be provided by the other Party.

5. The Party that transfers personal data may require the other Party to give information on the use made with such data.

6. Personal data transferred under this Treaty shall be processed and deleted in line with the national law of the Party which received such data. Irrespective of these limits, the data transferred shall be deleted as soon as they are no longer required for the purpose for which they were transferred.

7. This Article shall not prejudice the ability of the Party which transmits the personal data to impose additional conditions in a particular case when the request for legal assistance could not be executed in the absence of such conditions. Where additional conditions have been imposed in accordance with this paragraph, the Party to which the personal data have been transmitted shall process the received data according to those conditions.

ARTICLE 12
COSTS

1. The Requested Party shall bear all costs related to the execution of the request for assistance in accordance with its national law unless otherwise agreed between the Central Authorities.

2. Notwithstanding Paragraph 1, the Requesting Party shall bear, unless otherwise agreed between the Central Authorities, the following costs:

(a) the fees of expert witnesses;

(b) the costs associated with interpreting, translating and transcription of documents and obtaining evidence via videoconference or other electronic means from the Requested Party to the Requesting Party and costs related to the establishing and servicing of the videoconference;

(c) the expenses related to travel of any person to and from the territory of the Requested Party and any fees, allowances, expenses payable to that person while in the Requesting Party pursuant to a request under the Article 15 and 16 of this Treaty, and expenses of escorting officers associated with transfer;

(d) the costs of seizure, storage and transportation of items of evidence, property, instrumentalities or proceeds of crime.

3. When the Requested Party, in the course of execution of the request for assistance, discovers that such execution would incur extraordinarily high costs, it shall immediately consult with the Requesting Party.

PART II
TYPES OF ASSISTANCE

ARTICLE 13
SEARCH

Upon request, the Requested Party shall in so far as its law permits, do everything possible to find in its territory the persons, items of evidence, property, instrumentalities or proceeds of crime indicated in the request for assistance and presumably located in its territory, and inform about the results the Requesting Party. In this respect, the rights of bona fide third persons are respected and protected.

ARTICLE 14
SERVICE OF DOCUMENTS

1. The Requested Party shall, in so far as its law permits, effect service of documents, including summons or other related documents requiring

the appearance of a person before the competent authority of the Requesting Party, on persons in the Requested Party.

2. Where the request for assistance concerns service of a document requiring the appearance of a person before the competent authority of the Requesting Party, the request shall be received by the Central Authority of the Requested Party not less than ninety (90) days before the scheduled appearance date. In urgent cases, the Requested Party may waive this requirement.

3. The Requested Party shall send to the Requesting Party proof of service of the document. If service cannot be carried out, the Requesting Party shall be informed of the reasons. The Requested Party shall, upon request by the Requesting Party, promptly inform the Requesting Party, where possible, of the response of the person who is summoned to appear before the competent authority of the Requesting Party under Paragraph 1.

ARTICLE 15
TEMPORARY TRANSFER OF SENTENCED PERSONS TO THE TERRITORY OF THE REQUESTING PARTY

1. A sentenced person of the Requested Party whose appearance in the Requesting Party is sought in order to assist in criminal proceedings or to give evidence may be, upon the request of the Requesting Party, temporarily transferred from the Requested Party to the Requesting Party for that purpose provided:

(a) that person consents to the transfer to assist in investigations or give evidence; and

(b) the Requesting Party undertakes in writing to comply with specific conditions required by the Requested Party concerning the custody and safety of the transferred person.

2. For purpose of this Article:

(a) the Requesting Party shall have the authority and the obligation to keep the person transferred in custody unless otherwise agreed by the Central Authorities of both Parties;

(b) the transferred person under this Article shall be returned to the Requested Party in the manner the Central Authorities of both Parties have agreed as soon as the purpose of the transfer is fulfilled or at such earlier time when the person's presence is no longer required;

(c) the Requesting Party shall not require the Requested Party to initiate extradition proceedings or any other proceedings for the return of the person transferred;

(d) time served in the custody of the Requesting Party by the person transferred shall be counted against the execution of the sentence imposed in the Requested Party.

ARTICLE 16
REQUESTING OTHER PERSONS TO ASSIST IN CRIMINAL PROCEEDINGS OR TO GIVE EVIDENCE IN THE REQUESTING PARTY

Upon the request of the Requesting Party, the Requested Party shall invite any person to voluntarily assist in the investigation or to appear in the proceedings in the Requesting Party and shall inform the Requesting Party of the person's response. That person shall also be informed of safe conduct, facilities and allowances that would be provided.

ARTICLE 17
SAFE CONDUCT

1. A person who appears before the competent authority of the Requesting Party under Article 14, 15 or 16 of this Treaty shall not:

(a) be detained, prosecuted or punished in the Requesting Party in respect of any act or omission of the person that is alleged to have occurred before the person's departure from the Requested Party;

(b) be obliged to give evidence or to assist in any criminal proceeding, other than the proceeding specified in the request.

2. The person who decides not to assist in investigations or give evidence under Article 14, 15 or 16 of this Treaty shall not be liable to any penalty or be subjected to any coercive measure in the Requesting Party or in the Requested Party.

3. The safe conduct provided for in Paragraph 1 shall cease when:

(a) the person remains in the territory of the Requesting Party after the expiration of fifteen (15) consecutive days since that person has been officially notified by the competent authority of the Requesting Party that his or her

presence is no longer required or from the day when he or she failed to appear before that authority on the scheduled appearance date unless such failure to appear was caused by reasons beyond that person's control; or

(b) the person, having left the Requesting Party, voluntarily returns to it.

4. The period of fifteen (15) days provided for in Paragraph 3(a) shall not include the period during which the person could not leave the territory of the Requesting Party for reasons beyond his or her control.

5. When the Requesting Party knows that the safe conduct provided for in Paragraph 1 has ceased pursuant to Paragraph 3, the Requesting Party shall so inform the Requested Party without delay, if such information is requested by the Requested Party.

6. Safe conduct in accordance with Paragraph 1 shall be provided to the person temporarily transferred under Article 15 except that the person shall be kept in custody for the offence for which the person has been serving a sentence in the Requested Party.

7. The person who is assisting in investigations or giving evidence as witness or expert under Article 14, 15 or 16 shall not be prosecuted for his or her statements, except making false statements.

ARTICLE 18
TAKING TESTIMONY OR STATEMENT AND OBTAINING EVIDENCE

1. Upon request, the Requested Party shall take testimony or statements of persons in accordance with its national law. The Requested Party shall employ necessary measures in order to do so. If the information contained in the request is not sufficient to justify those measures under the law of the Requested Party, the Requested Party shall inform the Requesting Party about requirements of its law for employing such measures and invite the Requesting Party to provide supplementary information in accordance with Article 5 Paragraph 4.

2. The person to be heard may claim the right not to testify which would accrue to them under the national laws of either Party. If any person in the Requested Party claims that there is a right or obligation to decline to give testimony or statement under the law of the Requesting Party, the Central Authorities of the Parties may consult in order to verify the existence of that right or obligation under the law of the Requesting Party.

3. Upon request, the Requested Party shall, in accordance with its national law, obtain items of evidence provided by the person giving testimony or making a statement and transfer them to the Requesting Party.

ARTICLE 19
TAKING EVIDENCE BY VIDEOCONFERENCE

1. If a person is in the territory of the Requested Party and has to be heard by the competent authority of the Requesting Party, the Requested Party may enable testimony or a statement to be taken from that person by that competent authority by videoconference, if such hearing is necessary for the criminal proceedings in the Requesting Party. The Central Authorities shall consult in order to facilitate resolution of legal, technical or logistical issues that may arise in the execution of the request for assistance on a case-by-case basis.

2. The Requested Party may allow the use of videoconference also for other purposes, including to effect the recognition of persons or items of evidence and for confrontations.

ARTICLE 20
PROVIDING DOCUMENTS, RECORDS OR INFORMATION

1. Upon request and in accordance with its national law, the Requested Party shall provide copies of publicly available documents, records or information.

2. The Requested Party may, in accordance with its national law, provide copies of official document, record or information to the same extent and under the same conditions as such documents, records or information would be available to its own authorities competent to conduct criminal proceedings.

ARTICLE 21
IDENTIFICATION OF BANK AND FINANCIAL INFORMATION

1. The Parties shall, in accordance with their national laws, exchange information on bank accounts, account holders or persons authorized to use such accounts located in the territory of the Requested Party and banking

operations, in relation to criminal proceedings in the Requesting Party. In this case, the Requested Party shall take all necessary steps, to the extent permitted by national law, to ensure that banks do not reveal to the person concerned or to third persons that information has been communicated to the Requesting Party.

2. The request for assistance under Paragraph 1 shall include a detailed explanation of the relationship of the presumed bank account, account holders or persons authorized to use such accounts to the criminal offence in relation to which the assistance is requested.

3. Assistance under Paragraph 1 may extend also to other financial institutions.

ARTICLE 22
SEIZURE AND TRANSFER OF EVIDENCE

1. Upon request, the Requested Party shall, in accordance with its national law, seize any items of evidence, in relation to which the assistance is requested.

2. Upon request, the Requested Party shall transfer any seized items of evidence that may serve as evidence in the criminal proceedings in the Requesting Party for which the assistance is requested to the Requesting Party. The Requesting Party shall observe any conditions imposed by the Requested Party in relation to any seized items of evidence transferred to the Requesting Party.

ARTICLE 23
RETURN OF EVIDENCE

The Requesting Party shall, upon request of the Requested Party, return items of evidence provided under this Treaty when they are no longer necessary in the criminal proceedings specified in the request.

ARTICLE 24
INSTRUMENTALITIES AND PROCEEDS OF CRIME

1. Where suspected instrumentalities and/or proceeds of crime are found, upon the request of the Requesting Party, the Requested Party shall take measures as are permitted by its law to seize and/or confiscate such instrumentalities and/or proceeds of crime. The Requested Party may transfer, in whole or in part, confiscated instrumentalities and/or proceeds of crime to the Requesting Party under the conditions agreed by the Parties.

2. Application of this Article shall be without prejudice to the rights of bona fide third persons.

ARTICLE 25
SPONTANEOUS EXCHANGE OF INFORMATION

1. Without prejudice to their own criminal proceedings, a Party may, without prior request, forward to the other Party information obtained within the framework of their own criminal proceedings, when they consider that such information might assist the other Party in initiating or carrying out criminal proceedings, or might lead to a request by that Party under this Treaty.

2. The Providing Party may, in accordance with its national law, impose conditions on the use of such information by the Receiving Party. In such a case, the Providing Party shall give prior notice to the Receiving Party of the nature of the information to be provided and of the conditions to be imposed. The Receiving Party shall be bound by those conditions if it agrees to transmission of the information under such conditions.

ARTICLE 26
EXCHANGE OF INFORMATION ON LAW AND ITS APPLICATION IN PRACTICE

Upon request, the Parties shall exchange information on their respective laws, regulations and their application in practice at the time of the request for assistance or at the time of the commission of the criminal offence in relation to which the assistance is requested.

PART III
FINAL PROVISIONS

ARTICLE 27
CONSULTATIONS

The Central Authorities shall hold consultations on regular basis for the purpose of resolving any difficulties with regard to the execution of requests for assistance and facilitating speedy and effective assistance under this Treaty and agree on such practical measures as may be necessary for this purpose.

ARTICLE 28
SETTLEMENT OF DISPUTES

Any dispute arising out of the interpretation or implementation of this Treaty shall be resolved through diplomatic channels if the Central Authorities are themselves unable to reach agreement through consultations.

ARTICLE 29
RELATIONSHIP TO THE OTHER INTERNATIONAL INSTRUMENTS

1. The provisions of this Treaty shall not prejudice any right or obligation of either Party under other treaties and, for the Czech Republic, any right or obligation arising from its membership in the European Union.

2. This Treaty shall not prevent the Parties from requesting and granting assistance to each other through the provisions of other applicable international legal instruments.

ARTICLE 30
ENTRY INTO FORCE AND TERMINATION

1. The Parties shall inform each other by diplomatic notes about the fulfilment of their national requirements for the entry of this Treaty into force. This Treaty shall enter into force on the thirtieth (30^{th}) day after receipt of the latter diplomatic note.

2. This Treaty shall apply to any request for assistance submitted after the day upon which this Treaty enters into force, even if the criminal offence, for which the assistance is requested, was committed before that day.

3. This Treaty may be amended by mutually agreed protocols that shall enter into force by the procedure provided for in Paragraph 1 and that shall be integral parts of this Treaty.

4. This Treaty shall remain in force until terminated by either Party by means of written notice to the other Party through diplomatic channels. Termination shall take effect six (6) months following the day of such notification. Requests for assistance submitted before the notification and still pending at the time when termination of this Treaty takes effect shall be executed under this Treaty.

5. Upon entering into force of this Treaty, Articles 1 to 14 of the Agreement between the Socialist Republic of Viet Nam and the Czechoslovak Socialist Republic on Mutual Legal Assistance in Civil and Criminal Matters, signed on October 12th 1982 in Prague, shall not be applicable to mutual legal assistance in criminal matters between the Parties and Articles 58 and 78 of the Agreement shall be terminated.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorised thereto, have signed this Treaty.

DONE at Hanoi, on .....21../4/2023, in two originals, each in Vietnamese, Czech, and English languages, each text being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE CZECH REPUBLIC
Mr. Le Minh Tri **Prosecutor General** **Supreme People's Procuracy**	**H.E. Mr. Hynek Kmoníček** **Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary** **of the Czech Republic to the Socialist Republic of Viet Nam**

SMLOUVA O VZÁJEMNÉ PRÁVNÍ POMOCI VE VĚCECH TRESTNÍCH MEZI VIETNAMSKOU SOCIALISTICKOU REPUBLIKOU A ČESKOU REPUBLIKOU

VIETNAMSKÁ SOCIALISTICKÁ REPUBLIKA A ČESKÁ REPUBLIKA (dále jen "smluvní strany"),

PŘEJÍCE SI udržet a posílit vzájemné vztahy,

ŘÍDÍCE SE obecně uznávanými normami mezinárodního práva,

ZNOVU POTVRZUJÍCE svůj závazek respektovat spravedlnost, lidská práva, zásady právního státu a demokracie,

PŘIPOMÍNAJÍCE Smlouvu mezi Vietnamskou socialistickou republikou a Československou socialistickou republikou o právní pomoci ve věcech občanských a trestních, podepsanou dne 12. října 1982 v Praze,

MAJÍCE NA ZŘETELI, že jak Vietnamská socialistická republika, tak Česká republika jsou aktuálně vázány ustanoveními výše uvedené smlouvy,

PŘEJÍCE SI zlepšit a podporovat efektivnější spolupráci v trestních věcech mezi nimi v souladu s jejich národním právem,

se dohodly takto:

ČÁST I
OBECNÁ USTANOVENÍ

ČLÁNEK 1
PŘEDMĚT DOHODY

1. Smluvní strany si vzájemně poskytují nejširší možnou vzájemnou právní pomoc (dále jen „pomoc“) v souladu s ustanoveními této smlouvy a příslušným vnitrostátním právem upravujícím trestní řízení.

2. Tato smlouva se nevztahuje na:

a) vydávání osob;

b) předávání trestního řízení;

c) předávání odsouzených osob pro účely výkonu trestu odnětí svobody;

d) výkon trestních rozsudků uložených dožadující stranou na území dožádané strany, vyjma rozsahu, v jakém to umožňují právní předpisy dožádané strany a tato smlouva.

ČLÁNEK 2
ROZSAH POMOCI

1. Pomoc zahrnuje druhy pomoci popsané v části II této smlouvy a jakoukoli další pomoc umožněnou v rámci právních předpisů obou stran, pokud není v rozporu s touto smlouvou.

2. Tato pomoc může zahrnovat:

a) doručení písemností;

b) předvolání svědka nebo znalce;

c) opatření a poskytnutí důkazů;

d) dočasné předání osoby odsouzené dožádanou stranou na území dožadující strany za účelem pomoci při vyšetřování nebo poskytnutí důkazů;

e) přijetí opatření pro vyhledávání, zajištění nebo konfiskaci nástrojů a výnosů z trestné činnosti;

f) výměnu informací;

g) jakoukoli další formu pomoci v souladu s předmětem této smlouvy, která není v rozporu s právními předpisy dožádané strany.

ČLÁNEK 3
DEFINICE

Pro účely této smlouvy,

(a) pojem „důkazní materiál" zahrnuje písemnosti, záznamy a jiné důkazní prostředky;

(b) pojem „majetek" znamená veškerá aktiva hmotné nebo nehmotné povahy, movitá nebo nemovitá, materiální nebo nemateriální, a další právní písemnosti nebo nástroje dokládající právní titul nebo majetkový podíl na těchto aktivech;

(c) pojem „nástroje trestné činnosti" označuje jakýkoli majetek, který byl použit, je používán nebo byl zamýšlen k použití pro spáchání trestného činu;

(d) pojem „výnosy z trestné činnosti" označuje jakýkoli majetek přímo či nepřímo pocházející nebo získaný ze spáchání trestného činu;

(e) pojem „zajištění" označuje dočasný zákaz převodu, přeměny majetku, nakládání s ním či jeho přemístění, nebo jeho dočasné převzetí do úschovy či převzetí kontroly nad majetkem na základě příkazu vydaného soudem nebo jiným příslušným orgánem;

(f) pojem „konfiskace", zahrnujíc v to i propadnutí, pokud se v daném případě uplatní, znamená trvalé odnětí majetku na základě příkazu vydaného soudem nebo jiným příslušným orgánem.

ČLÁNEK 4
ÚSTŘEDNÍ ORGÁNY

1. Žádosti o právní pomoc a odpovědi na ně budou zasílány prostřednictvím ústředních orgánů.

2. Následující orgány jsou ustanoveny jako ústřední orgány pro účely této smlouvy:

a) za Vietnamskou socialistickou republiku Nejvyšší lidová prokuratura; a

b) za Českou republiku Nejvyšší státní zastupitelství pro odchozí žádosti o právní pomoc pocházející od státních zástupců a pro příchozí žádosti mající původ v přípravném řízení a Ministerstvo spravedlnosti České republiky pro ostatní žádosti o právní pomoc.

3. Ústřední orgány komunikují mezi sebou pro účely této smlouvy přímo. V případě potřeby mohou ústřední orgány komunikovat diplomatickou cestou.

4. Každá strana může změnit svůj ústřední orgán. V takovém případě oznámí diplomatickou cestou druhé straně tuto změnu i kontaktní údaje nového ústředního orgánu.

ČLÁNEK 5

FORMA A OBSAH ŽÁDOSTÍ O POMOC

1. Žádost o pomoc bude podána písemně a musí být opatřena podpisem představitele justičního orgánu, který ji podává, a ověřena jeho úředním razítkem.

2. Žádost o pomoc bude obsahovat následující:

(a) název a adresu příslušného orgánu, který vede trestní řízení, pro které je o pomoc žádáno, a příslušného orgánu, který o pomoc žádá;

(b) popis okolností každého trestného činu, kterého se žádost o pomoc týká, a znění použitelných ustanovení příslušných trestních zákonů dožadující strany, včetně trestů a ustanovení o promlčení;

(c) stádium trestního řízení, pro které je o pomoc žádáno;

(d) popis požadované pomoci a důkazních prostředků a jejich účel.

3. V nezbytném a proveditelném rozsahu bude žádost o pomoc obsahovat také:

(a) totožnost osob, proti nimž je vedeno trestní řízení, pro které je pomoc žádána, čas a místo spáchání trestného činu a škoda, která byla způsobena, nebo mohla být způsobena;

(b) totožnost a místo pobytu jakékoli osoby, od níž mají být získány důkazy nebo které má být doručeno, nebo místo, kde se nachází jakýkoli hledaný předmět, nebo popis místa, kde má být provedena prohlídka, a jejich vztah k trestnímu řízení, pro které je pomoc žádána;

(c) popis jakéhokoli konkrétního postupu, který má být dodržen při vyřizování žádosti o pomoc;

(d) jakákoli žádost o zachování důvěrnosti;

(e) v naléhavých případech uvedení lhůty, v níž by žádost o pomoc měla být vyřízena, a odůvodnění naléhavosti;

(f) v případě doručování písemností způsob, jakým má být doručení provedeno;

(g) seznam otázek, které mají být položeny, je-li žádáno svědectví či výpověď osoby;

(h) uvedení osob, jejichž přítomnost při vyřizování žádosti o pomoc je dožádaná strana žádána připustit, jejich úloha v trestním řízení, pro které je o pomoc žádáno, a účel jejich přítomnosti při vyřizování žádosti o pomoc;

(i) informace, které se týkají náhrad cestovních a jiných výdajů, na něž má nárok osoba, která byla předvolána do dožadující strany;

(j) informace o právu osoby, jejíž svědectví či výpověď je dožádaná strana žádána opatřit, odepřít výpověď podle vnitrostátních právních předpisů dožadující strany a o právu na imunitu, výjimku, výsadu nebo nezpůsobilost podle právních předpisů dožadující strany, které by mohlo být relevantní pro vyřízení žádosti o pomoc;

(k) přesný popis důkazního materiálu, majetku, nástrojů nebo výnosů z trestné činnosti, které mají být zajištěny nebo konfiskovány, včetně jejich vztahu k trestnému činu nebo trestnímu řízení, pro jehož účely je o pomoc žádáno, s uvedením důvodů, pro které se lze domnívat, že takový důkazní materiál, majetek, nástroje nebo výnosy z trestné činnosti se nacházejí na území dožádané strany, a příkaz nebo rozsudek soudu nebo jiného příslušného orgánu, jehož se zajištění nebo konfiskace týká; a

(l) jakékoli jiné informace, které mohou usnadnit vyřízení žádosti o pomoc.

4. Pokud dožádaná strana nepovažuje obsah žádosti o pomoc za dostatečný pro její vyřízení, může požadovat dodatkové informace a může též dožadující straně stanovit přiměřenou lhůtu pro jejich poskytnutí.

5. Žádost o pomoc a jakékoli podpůrné písemnosti k ní, včetně písemnosti, která má být doručena, budou v jazyce dožadující strany a budou opatřeny překladem do jazyka dožádané strany nebo do anglického jazyka.

6. V naléhavých případech mohou být žádosti o pomoc se souhlasem dožádané strany zasílány mezi ústředními orgány faxem nebo elektronickou poštou. Písemný originál žádosti o pomoc musí být doručen ústřednímu orgánu dožádané strany do třiceti (30) dnů nebo ve lhůtě dohodnuté ústředními orgány.

ČLÁNEK 6
OVĚŘENÍ A OSVĚDČENÍ

1. Žádosti o pomoc, podpůrné písemnosti k ní a písemnosti a materiály poskytnuté v reakci na žádost nevyžadují jakoukoli legalizaci, osvědčení ani ověření.

2. Pokud v konkrétním případě dožádaná strana nebo dožadující strana vyžaduje, aby písemnosti nebo materiály byly ověřeny, pak tyto písemnosti budou ověřeny podpisem a otiskem úředního razítka příslušného orgánu dané smluvní strany.

ČLÁNEK 7
ODMÍTNUTÍ NEBO ODLOŽENÍ POMOCI

1. Dožádaná strana odmítne zcela nebo zčásti pomoc, pokud má za to, že:

(a) vyřízení žádosti o pomoc by bylo v rozporu se závazky dožádané strany vyplývajícími z mezinárodních úmluv, jichž je smluvní stranou, nebo by bylo v rozporu s jejími vnitrostátními právními předpisy;

(b) vyřízení žádosti o pomoc by mohlo ohrozit suverenitu, bezpečnost nebo veřejný pořádek dožádané strany;

(c) žádost o pomoc se týká stíhání osoby pro trestný čin, za který byla tato osoba již odsouzena, zproštěna obžaloby nebo jí byla udělena milost dožádanou stranou, nebo pro který daná osoba již nemůže být stíhána z důvodu uplynutí promlčecí doby, pokud byl trestný čin spáchán v jurisdikci dožádané strany;

(d) trestný čin, v souvislosti s nímž je pomoc žádána, nezakládá trestný čin podle práva dožádané strany;

(e) žádost o pomoc se týká trestného činu politické povahy;

(f) žádost o pomoc se týká trestného činu spáchaného příslušníky vojenských sil v rámci jejich služby, který nezakládá trestný čin podle obecných norem trestního práva;

(g) žádost o pomoc se týká trestného činu, za který může být dožadující stranou uložen trest smrti, ledaže dožadující strana poskytne záruku, kterou dožádaná strana bude považovat za dostatečnou, že trest smrti nebude uložen, nebo pokud bude uložen, nebude vykonán;

(h) existují závažné důvody se domnívat, že o pomoc bylo požádáno za účelem trestního stíhání, potrestání nebo diskriminace určité osoby z důvodu její rasy, náboženství, pohlaví, národnosti, etnického původu, politického přesvědčení nebo z jakéhokoli podobného důvodu, nebo že postavení této osoby může být z některého z uvedených důvodů ohroženo;

(i) existují závažné důvody se domnívat, že žádost o pomoc bude mít za následek vystavení osoby mučení nebo jinému krutému či nelidskému nebo ponižujícímu zacházení nebo trestu.

2. Pomoc nebude odmítnuta výlučně z důvodu bankovního tajemství.

3. Dožádaná strana může odložit vyřízení žádosti o pomoc, pokud by její vyřízení bylo na překážku probíhajícímu trestnímu řízení v dožádané straně, nebo pokud je její vyřízení dočasně znemožněno s ohledem na konkrétní okolnosti daného případu.

4. Před odmítnutím pomoci nebo odložením vyřízení žádosti o pomoc dožádaná strana konzultuje s dožadující stranou za účelem zvážení, zda může být pomoc poskytnuta za takových podmínek, které považuje za potřebné. Pokud dožadující strana přijme pomoc za těchto podmínek, pak tyto podmínky dodrží.

5. Pokud dožádaná strana odmítne nebo odloží vyřízení žádosti o pomoc, sdělí důvody tohoto odmítnutí nebo odložení dožadující straně písemně.

ČLÁNEK 8

VYŘÍZENÍ ŽÁDOSTI O PRÁVNÍ POMOC

1. Dožádaná strana vyřídí žádost o pomoc v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy a v rozsahu, který není právem dožádané strany zakázán, v souladu s pokyny uvedenými v žádosti o pomoc, pokud je to proveditelné.

2. Dožádaná strana může připustit přítomnost osob uvedených v žádosti o pomoc při vyřizování žádosti, pokud to není v rozporu s právními předpisy dožádané strany. Za tímto účelem dožádaná strana předem informuje dožadující stranu o datu, čase a místě vyřízení žádosti o pomoc; pokud je to nezbytné, ústřední orgány budou vzájemně konzultovat za účelem stanovení data, které vyhovuje oběma stranám.

3. Dožádaná strana neprodleně informuje dožadující stranu o výsledku vyřízení žádosti o pomoc nebo o jakýchkoli okolnostech, jež by pravděpodobně způsobily podstatné průtahy v odpovědi na žádost.

4. Písemnosti předávané dožadující straně jako výsledek vyřízení žádosti o pomoc budou vyhotoveny v jazyce dožádané strany.

ČLÁNEK 9
ZACHOVÁNÍ DŮVĚRNOSTI

1. Dožádaná strana může požádat o zachování důvěrnosti poskytnutých informací nebo důkazů nebo zdrojů těchto informací či důkazů. Jejich zveřejnění nebo použití musí být v souladu s právními předpisy dožadující strany a podléhá písemnému souhlasu dožádané strany.

2. Dožadující strana může požádat o zachování důvěrnosti obsahu žádosti o pomoc a podpůrných písemností k ní. Pokud žádost nelze vyřídit bez porušení důvěrnosti, dožádaná strana o tom před vyřízením žádosti informuje dožadující stranu. Dožadující strana poté určí, zda má být žádost i přesto zcela nebo zčásti vyřízena.

3. Dožadující strana zajistí, aby opatřené informace nebo důkazy byly chráněny proti ztrátě, nezákonnému přístupu, použití, změně, zveřejnění nebo zneužití.

ČLÁNEK 10
OMEZENÍ POUŽITÍ

1. Pokud jsou informace nebo důkazy předány dožádanou stranou, dožadující strana je nepoužije k jiným účelům než těm, které byly uvedeny v žádosti o pomoc, s výjimkou případů, kdy k tomu dožádaná strana udělí předchozí písemný souhlas.

2. Žádné informace nebo důkazy poskytnuté dožádanou stranou dožadující straně podle této smlouvy nebudou poskytnuty dožadující stranou třetímu státu bez předchozího písemného souhlasu dožádané strany.

ČLÁNEK 11

OCHRANA OSOBNÍCH UDAJŮ

1. Aniž by byl dotčen odstavec 2 tohoto článku, osobní údaje mohou být shromážděny a předány pouze, pokud je to nezbytné a přiměřené pro účely uvedené v žádosti o pomoc.

2. Osobní údaje předané druhé smluvní straně v důsledku vyřízení žádosti učiněné podle této smlouvy mohou být použity smluvní stranou, které byly tyto údaje předány, výlučně pro následující účely:

a) pro účely trestního řízení, pro které bylo žádáno pomoc dle této smlouvy;

b) pro jiná soudní a správní řízení přímo související s řízením dle písm. a) tohoto odstavce;

c) pro odvrácení bezprostředního závažného ohrožení veřejného pořádku.

3. Tyto údaje mohou být také použity pro jakékoli jiné účely, pokud k tomu smluvní strana, která osobní údaje poskytla, udělila předchozí souhlas.

4. Kterákoli smluvní strana může odmítnout předání osobních údajů v případech, kdy jsou tyto údaje chráněny jejími vnitrostátními právními předpisy, a stejná úroveň ochrany nemůže být poskytnuta druhou smluvní stranou.

5. Smluvní strana, která předává osobní údaje, může po druhé smluvní straně požadovat informace o využití těchto údajů.

6. Osobní údaje předané podle této smlouvy budou zpracovány a vymazány v souladu s vnitrostátními právními předpisy smluvní strany, která tyto údaje obdržela. Bez ohledu na tyto limity musí být osobní údaje vymazány hned, jakmile již nadále nebudou potřeba pro účel, pro který byly předány.

7. Tento článek nemá vliv na možnost smluvní strany, která předává osobní údaje, stanovit další podmínky v konkrétním případě, kdy žádost o právní pomoc není možné vyřídit při absenci takových podmínek. Pokud byly stanoveny další podmínky v souladu s tímto odstavcem, pak smluvní strana,

které byly osobní údaje předány, zpracuje obdržené osobní údaje v souladu s těmito podmínkami.

ČLÁNEK 12
NÁKLADY

1. Dožádaná strana nese veškeré náklady spojené s vyřízením žádosti o pomoc v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy, pokud se ústřední orgány nedohodly jinak.

2. Bez ohledu na ustanovení odstavce 1 nese dožadující strana následující náklady, pokud se ústřední orgány nedohodly jinak:

(a) znalečné;

(b) náklady spojené s tlumočením, překlady a přepisem písemností a s opatřením důkazů prostřednictvím videokonference nebo jinými elektronickými prostředky od dožádané strany pro dožadující stranu a náklady spojené se zřízením a obsluhou videokonference;

(c) výdaje související s cestou jakékoli osoby na a z území dožádané strany a jakékoli poplatky, náhrady a výdaje, na které má tato osoba nárok po dobu, po kterou se nachází na území dožadující strany v souladu s žádostí podle článku 15 a 16 této smlouvy, a výdaje příslušníků eskorty související se zajištěním předání osoby;

(d) náklady na zajištění, úschovu a přepravu důkazního materiálu, majetku a nástrojů nebo výnosů z trestné činnosti.

3. Pokud v průběhu vyřizování žádosti o pomoc dožádaná strana zjistí, že její vyřízení by si vyžádalo mimořádně vysoké náklady, neprodleně tuto skutečnost projedná s dožadující stranou.

ČAST II
DRUHY POMOCI

ČLÁNEK 13
PÁTRÁNÍ

Dožádaná strana na žádost učiní vše, co je podle jejích vnitrostátních právních předpisů možné, aby na svém území nalezla osoby, důkazní materiál, majetek, nástroje nebo výnosy z trestné činnosti uvedené v žádosti o pomoc, o nichž se předpokládá, že by mohly být na jejím území, a o výsledku informuje dožadující stranu. V tomto ohledu budou respektována a chráněna práva osob jednajících v dobré víře.

ČLÁNEK 14
DORUČOVÁNÍ PÍSEMNOSTÍ

1. Pokud to její vnitrostátní právní předpisy dovolují, dožádaná strana doručí osobám v dožádané straně písemnosti, včetně předvolání nebo jiných písemností, v nichž se požaduje, aby se osoba dostavila k příslušnému orgánu v dožadující straně.

2. Pokud se žádost o pomoc týká doručení písemnosti požadující, aby se osoba dostavila k příslušnému orgánu v dožadující straně, musí být žádost doručena ústřednímu orgánu dožádané strany nejpozději devadesát (90) dnů před stanoveným dnem, kdy se má daná osoba dostavit. V naléhavých případech může dožádaná strana od tohoto požadavku upustit.

3. Dožádaná strana zašle dožadující straně potvrzení o doručení písemnosti. Pokud nelze doručení provést, dožadující strana bude informována o důvodech, pro které doručení nemohlo být provedeno. Dožádaná strana na žádost dožadující strany neprodleně informuje dožadující stranu o stanovisku osoby, která byla předvolána, aby se dostavila před příslušný orgán dožadující strany v souladu s odstavcem 1 tohoto článku, je-li to možné.

ČLÁNEK 15

DOČASNÉ PŘEDÁNÍ ODSOUZENÉ OSOBY NA ÚZEMÍ DOŽADUJÍCÍ STRANY

1. Osoba odsouzená dožádanou stranou, která byla předvolána, aby se dostavila na území dožadující strany za účelem pomoci v trestním řízení nebo poskytnutí důkazů, může být za tímto účelem na žádost dožadující strany dočasně předána dožádanou stranou dožadující straně za podmínky:

a) že tato osoba souhlasí se svým předáním pro účely pomoci s vyšetřováním nebo poskytnutí důkazů; a

b) že se dožadující strana písemně zaváže ke splnění konkrétních podmínek stanovených dožádanou stranou týkajících se vazby a bezpečnosti předané osoby.

2. Pro účely tohoto článku:

(a) dožadující strana má pravomoc a povinnost držet předanou osobu ve vazbě, pokud nebylo ústředními orgány obou smluvních stran dohodnuto jinak;

(b) předaná osoba dle tohoto článku bude navrácena dožádané straně způsobem dohodnutým ústředními orgány obou smluvních stran, jakmile bude účel předání naplněn nebo dříve, jakmile přítomnost dané osoby již nebude požadována;

(c) dožadující strana nebude po dožádané straně žádat zahájení extradičního řízení nebo jiného řízení o navrácení předané osoby;

(d) doba strávená předanou osobou ve vazbě u dožadující strany bude započítána do doby výkonu trestu uloženého dožádanou stranou.

ČLÁNEK 16

POŽÁDÁNÍ JINÝCH OSOB O POMOC S TRESTNÍM ŘÍZENÍM NEBO O POSKYTNUTÍ DŮKAZŮ DOŽADUJÍCÍ STRANĚ

Na žádost dožadující strany vyzve dožádaná strana jakoukoli osobu, aby dobrovolně napomohla vyšetřování nebo se dostavila k řízení vedenému dožadující stranou, a informuje dožadující stranu o stanovisku této osoby. Tato osoba bude také informována o bezpečném zacházení a poskytovaných službách a náhradách.

ČLÁNEK 17

BEZPEČNÉ ZACHÁZENÍ

1. Osoba, která se dostaví k příslušnému orgánu dožadující strany v souladu s článkem 14, 15, nebo 16 této smlouvy, nebude:

(a) zadržena, stíhána nebo potrestána dožadující stranou za jakékoli jednání nebo opomenutí, kterého se daná osoba měla dopustit před jejím odjezdem z území dožádané strany;

(b) povinna poskytnout důkazy nebo pomoc s jakýmkoli jiným trestním řízením, než které je uvedeno v žádosti.

2. Osoba, která se rozhodne neposkytnout pomoc s vyšetřováním nebo neposkytnout důkazy podle článku 14, 15 nebo 16 této smlouvy nebude vystavena žádnému trestu ani donucovacímu opatření ze strany dožadující strany nebo dožádané strany.

3. Záruka bezpečného zacházení dle odstavce 1 zaniká, pokud:

(a) se osoba zdržuje na území dožadující strany po uplynutí patnácti (15) po sobě jdoucích dnů ode dne, kdy jí bylo oficiálně oznámeno příslušným orgánem dožadující strany, že její přítomnost není nadále požadována, nebo ode dne, kdy se nedostavila k příslušnému orgánu ve stanoveném termínu, ve kterém se měla dostavit, ledaže toto nedostavení bylo způsobeno důvody mimo její kontrolu; nebo

(b) se osoba, která dožadující stranu opustila, do ní dobrovolně vrátila.

4. Lhůta patnácti (15) dnů upravená v odstavci 3 (a) nezahrnuje dobu, po kterou osoba nemohla opustit území dožadující strany z důvodů mimo její kontrolu.

5. Pokud je dožadující straně známo, že ochrana uvedená v odstavci 1 zanikla v souladu s odstavcem 3, dožadující strana o tom neprodleně informuje dožádanou stranu, pokud dožádaná strana takovou informaci požaduje.

6. Bezpečné zacházení v souladu s odstavcem 1 bude poskytnuto osobě dočasně předané podle článku 15 s tím, že tato osoba bude držena ve vazbě v souvislosti s trestným činem, pro který osoba vykonává trest v dožádané straně.

7. Osoba, která pomáhá s vyšetřováním nebo poskytuje důkazy jako svědek nebo znalec podle článku 14, 15, nebo 16 nebude stíhána za svou výpověď, s výjimkou poskytnutí křivé výpovědi.

ČLÁNEK 18

PŘIJÍMÁNÍ SVĚDECTVÍ NEBO VÝPOVĚDÍ A OPATŘENÍ DŮKAZŮ

1. Dožádaná strana na základě žádosti opatří svědectví nebo výpověď osob v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy. Dožádaná strana za tímto účelem přijme nezbytná opatření. Pokud informace obsažené v žádosti nejsou dostatečné pro odůvodnění těchto opatření podle právních předpisů dožádané strany, dožádaná strana informuje dožadující stranu o požadavcích vyplývajících z jejích právních předpisů pro použití takových opatření a vyzve dožadující stranu k zaslání dodatkových informací v souladu s článkem 5 odstavec 4.

2. Osoba, která má být vyslechnuta, má právo odepřít výpověď v souladu s vnitrostátním právem kterékoli ze stran. Pokud osoba nacházející se na území dožádané strany tvrdí, že podle vnitrostátních právních předpisů dožadující strany má právo nebo povinnost odepřít výpověď, ústřední orgány smluvních stran se mohou poradit za účelem ověření existence takového práva nebo povinnosti podle vnitrostátních právních předpisů dožadující strany.

3. Dožádaná strana na žádost získá v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy důkazní materiál označený osobou podávající svědectví nebo činící výpověď a předá je dožadující straně.

ČLÁNEK 19

VÝSLECH ZA POUŽITÍ VIDEOKONFERENCE

1. Pokud se osoba nachází na území dožádané strany a má být vyslechnuta příslušným orgánem dožadující strany, může dožádaná strana umožnit provedení výslechu či výpovědi této osoby příslušnými orgány dožadující strany za použití videokonference, pokud je takový výslech nezbytný pro trestní řízení v dožadující straně. Ústřední orgány provedou

konzultaci s cílem usnadnit řešení právních, technických nebo logistických problémů, jež při vyřizování žádosti o pomoc mohou vyvstat.

2. Dožádaná strana může povolit užití videokonference také pro jiné účely, včetně rekognice osob nebo důkazních materiálů a ke konfrontacím.

ČLÁNEK 20

POSKYTNUTÍ PÍSEMNOSTÍ, ZÁZNAMŮ NEBO INFORMACÍ

1. Na základě žádosti poskytne dožádaná strana v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy kopie veřejně dostupných písemností, záznamů nebo informací.

2. Dožádaná strana může v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy poskytnout kopie písemností, záznamů nebo informací ve stejném rozsahu a za stejných podmínek, za kterých jsou takové písemnosti, záznamy nebo informace dostupné jejím vlastním orgánům činným v trestním řízení.

ČLÁNEK 21

IDENTIFIKACE BANKOVNÍCH A FINANČNÍCH INFORMACÍ

1. Strany si v souladu s jejich vnitrostátními právními předpisy vyměňují informace o bankovních účtech, držitelích účtů a osobách oprávněných disponovat s účty na území dožádané strany a o bankovních operacích souvisejících s trestním řízením vedeným dožadující stranou. Dožádaná strana podnikne veškeré nezbytné kroky, v rozsahu povoleném jejími vnitrostátními právními předpisy, pro zajištění, aby banky neinformovaly dotčenou osobu ani jiné osoby o skutečnosti, že tyto informace byly sděleny dožadující straně.

2. Žádost o pomoc podle odstavce 1 bude zahrnovat detailní popis vztahu předpokládaného bankovního účtu, jeho držitele nebo osob oprávněných s tímto účtem disponovat, k trestnému činu, ohledně kterého je o pomoc žádáno.

3. Pomoc podle odstavce 1 se může týkat rovněž jiných finančních institucí.

ČLÁNEK 22

ZAJIŠTĚNÍ A PŘEDÁNÍ DŮKAZŮ

1. Dožádaná strana na žádost zajistí v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy důkazní materiál, v souvislosti s nímž je o pomoc žádáno.

2. Dožádaná strana na žádost předá dožadující straně veškerý zajištěný důkazní materiál, který může sloužit jako důkaz v trestním řízení v dožadující straně, pro které je o pomoc žádáno. Dožadující strana dodrží veškeré podmínky stanovené dožádanou stranou, pokud jde o důkazní materiál předaný dožadující straně.

ČLÁNEK 23

VRÁCENÍ DŮKAZŮ

Dožadující strana na žádost dožádané strany vrátí důkazní materiál poskytnutý podle této smlouvy, jakmile nebude nadále potřeba pro trestní řízení uvedené v žádosti.

ČLÁNEK 24

NÁSTROJE A VÝNOSY Z TRESTNÉ ČINNOSTI

1. Jestliže jsou na základě žádosti dožadující strany nalezeny podezřelé nástroje a/nebo výnosy z trestné činnosti, dožádaná strana přijme opatření dovolená jejími vnitrostátními právními předpisy k zajištění a/nebo konfiskaci takových nástrojů a/nebo výnosů z trestné činnosti. Dožádaná strana může převést zkonfiskované nástroje nebo výnosy z trestné činnosti nebo jejich část dožadující straně na základě podmínek dohodnutých smluvními stranami.

2. Aplikace tohoto článku nemá vliv na práva třetích osob jednajících v dobré víře.

ČLÁNEK 25

VÝMĚNA INFORMACÍ BEZ ŽÁDOSTI

1. Kterákoliv ze stran může bez předchozí žádosti zaslat druhé straně informace získané v rámci svého vlastního vyšetřování, pokud by takto nebylo její vlastní vyšetřování či řízení dotčeno, má-li za to, že tyto informace mohou

napomoci druhé straně zahájit nebo vést vyšetřování či řízení, nebo vést k podání žádosti podle této smlouvy.

2. Poskytující strana může v souladu se svými vnitrostátními právními předpisy stanovit, za jakých podmínek může přijímající strana tyto informace použít. Poskytující strana v takovém případě předem informuje přijímající stranu o povaze poskytovaných informací a o podmínkách, které budou stanoveny. Přijímající strana bude takovými podmínkami vázána, pokud vysloví souhlas se zasláním těchto informací za takových podmínek.

ČLÁNEK 26
VÝMĚNA INFORMACÍ O PRÁVNÍCH PŘEDPISECH A JEJICH APLIKACI V PRAXI

Strany si na žádost budou vyměňovat informace o svých právních předpisech a jiných úpravách a jejich aplikaci v praxi v době podání žádosti o pomoc nebo v době spáchání trestného činu, ohledně nějž je o pomoc žádáno.

Část III
ZÁVĚREČNÁ USTANOVENÍ

ČLÁNEK 27
KONZULTACE

Ústřední orgány budou uskutečňovat pravidelné konzultace za účelem vyřešení obtíží souvisejících s vyřizováním žádostí o pomoc a v zájmu usnadnění rychlé a účinné pomoci podle této smlouvy a mohou se dohodnout na takových opatřeních, která mohou být za tímto účelem nezbytná.

ČLÁNEK 28
ŘEŠENÍ SPORŮ

Jakékoli spory vzniklé při výkladu nebo implementaci této smlouvy budou řešeny diplomatickou cestou, pokud ústřední orgány nebudou samy schopny dosáhnout dohody prostřednictvím vzájemných konzultací.

ČLÁNEK 29

VZTAH K JINÝM MEZINÁRODNÍM ÚMLUVÁM

1. Ustanovení této smlouvy se nedotýkají práv a povinností žádné ze stran z jiných mezinárodních smluv a, na straně České republiky, z jejího členství v Evropské unii.

2. Tato smlouva nebrání stranám vyžadovat a poskytovat si vzájemně pomoc na základě ustanovení jiných použitelných mezinárodních právních nástrojů.

ČLÁNEK 30

VSTUP V PLATNOST A UKONČENÍ PLATNOSTI

1. Smluvní strany se budou vzájemně informovat diplomatickými nótami o splnění jejich vnitrostátních požadavků pro vstup této smlouvy v platnost. Tato smlouva vstoupí v platnost třicátý (30.) den po obdržení pozdější diplomatické nóty.

2. Tato smlouva se použije na všechny žádosti o pomoc podané po dni, kdy tato smlouva vstoupí v platnost, a to i v případě, že trestný čin, pro který je pomoc žádána, byl spáchán před tímto dnem.

3. Tato smlouva může být měněna vzájemně dohodnutými protokoly, které vstoupí v platnost postupem uvedeným v odstavci 1 a které budou nedílnými součástmi této smlouvy.

4. Tato smlouva zůstane v platnosti, dokud nebude vypovězena některou ze stran písemným oznámením druhé straně diplomatickou cestou. Výpověď nabyde účinnosti šest (6) měsíců ode dne oznámení. Žádosti o pomoc podané před oznámením, které budou v době ukončení platnosti smlouvy ještě vyřizovány, budou vyřízeny podle této smlouvy.

5. Po vstupu této smlouvy v platnost nebudou články 1 až 14 Smlouvy mezi Vietnamskou socialistickou republikou a Československou socialistickou republikou o právní pomoci ve věcech občanských a trestních, podepsané 12. října 1982 v Praze, dále použitelné na vzájemnou právní pomoc ve věcech trestních mezi stranami, a články 58 a 78 smlouvy se zrušují.

NA DŮKAZ UVEDENÉHO níže podepsaní, k tomu náležitě zmocněni, podepsali tuto smlouvu.

VYHOTOVENO v Hanoji, dne .....21.../4/2023, ve dvou originálech, každý ve vietnamském českém a anglickém jazyce, přičemž všechna znění jsou stejně autentická. V případě rozdílného výkladu je rozhodné anglické znění.

ZA VIETNAMSKOU SOCIALISTICKOU REPUBLIKU	ZA ČESKOU REPUBLIKU
Pan Le Minh Tri	**Pan Hynek Kmoníček**
vrchní prokurátor Nejvyšší lidové prokuratury	**mimořádný a zplnomocněný velvyslanec ve vietnamske socialisticke republice**